

MỘT SỐ CƠ SỞ KHOA HỌC CHO VIỆC TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN VÙNG DU LỊCH SINH THÁI TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BÁN ĐẢO SƠN TRÀ *SOME SCIENTIAL BASES OF CREATING LANDSCAPE ARCHITECTURAL SPACE IN AN ECOTOURISM REGION AT SƠN TRÀ PENINSULA RESERVE*

PHAN TIỀN VINH

Trường Cao đẳng Công nghệ, Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Trong bài báo này chúng tôi đề xuất các cơ sở khoa học cho việc tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, một vấn đề có ý nghĩa quan trọng và rất cần thiết đối với quá trình Quy hoạch phát triển không gian đô thị, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan cho phát triển du lịch sinh thái tại Khu bảo tồn thiên nhiên Bán đảo Sơn Trà. Các cơ sở khoa học này được hình thành qua quá trình nghiên cứu tổng hợp các vấn đề liên quan, các yếu tố vật thể và phi vật thể,... nhằm tạo ra một không gian hợp lý về cấu trúc và hình thái, một đồ án quy hoạch có tính khả thi cao.

ABSTRACT

In this paper, we propose some scientific bases in order to create landscape architectural space, it is an important and necessary in spacial planning to develop ecotourism at Sơn Trà Peninsula Reserve. These scientific bases were created from synthetical research on such related problems as physical, unphysical elements, etc. in order to create a reasonable space in terms of architectural structure and form as well as to achieve a high feasibility planning project.



Hình 1: Vị trí bán đảo Sơn Trà trong Sơ đồ phát triển không gian đô thị Đà Nẵng đến năm 2020

1. GIỚI THIỆU

Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Sơn Trà - nằm trên Bán đảo Sơn Trà - thuộc phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng - thuộc hệ thống rừng đặc dụng Quốc gia, với diện tích trên đất liền là 4.439 ha và phân bố: từ chân núi ra biển 500m (xem hình 1). Với hệ sinh thái điển hình rừng kín thường xanh mưa mùa nhiệt đới có tính đa dạng sinh học cao: 985 loài thực vật bậc cao (thuộc 483 chi, 143 họ, trong đó có 22 loài quý hiếm) và 287 loài động vật (thuộc 94 họ, 38 bộ, trong đó có 15 loài thuộc loại động vật quý hiếm)⁽¹⁾, khu BTTN

Sơn Trà có nhiều tiềm năng để phát triển Du lịch sinh thái (DLST) với những sản phẩm DLST đặc trưng, có tính cạnh tranh cao.

Thời gian qua, vấn đề đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị cho sự phát triển kinh tế xã hội nói chung và du lịch nói riêng tại bán đảo Sơn Trà đã đạt được những kết quả khả quan. Do tính chất nhạy cảm về an ninh quốc phòng nên những kết quả đạt được chưa thật tương xứng với tiềm năng phát triển của vùng.

Từ khi có nghị quyết 33 của Bộ Chính trị (tháng 10/2003, về việc kết hợp phát triển kinh tế và an ninh quốc phòng trên bán đảo Sơn Trà) phát triển du lịch ở Sơn Trà đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ. Hàng chục dự án đầu tư du lịch tại Sơn Trà đã được đăng ký. Trong vòng 2 tháng cuối năm 2003 đã có 7 dự án hoàn thành thủ tục đầu tư và được giao đất để cho các chủ đầu tư thực hiện việc xây dựng trong năm 2004.

Tuy nhiên, các dự án này chủ yếu phát triển đơn lẻ manh mún, đất được chia thành từng lô riêng lẻ cho các chủ đầu tư tùy ý quy hoạch xây dựng mà hoàn toàn chưa có một quy hoạch tổng thể về phát triển không gian thống nhất cho toàn bộ bán đảo Sơn Trà. Sự phát triển ở Sơn Trà hiện nay đã và đang gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái của một khu BTTN quốc gia.

Vì thế, vấn đề bức xúc hiện nay về quy hoạch đô thị ở bán đảo Sơn Trà là: cần phải có những định hướng chung về phát triển không gian đô thị, tổ chức không gian Kiến trúc cảnh quan (KTCQ) vùng DLST cho toàn bộ bán đảo nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững cho bán đảo Sơn Trà nói riêng và thành phố Đà Nẵng nói chung.

Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả chỉ nêu lên các cơ sở khoa học cho việc tổ chức không gian KTCQ vùng DLST tại khu BTTN bán đảo Sơn Trà - thành phố Đà Nẵng.

2. TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KTCQ VÙNG DLST

2.1. Kiến trúc cảnh quan

Theo PTS. KTS Hàn Tất Ngạn, "*KTCQ là một môn khoa học tổng hợp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều chuyên ngành khác nhau như quy hoạch không gian, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc công trình, điêu khắc, hội họa, ... nhằm giải quyết những vấn đề tổ chức môi trường nghỉ ngơi giải trí, thiết lập và cải thiện môi sinh, bảo vệ môi trường, tổ chức nghệ thuật kiến trúc*".⁽⁶⁾

KTCQ bao gồm thành phần tự nhiên (địa hình, mặt nước, cây xanh, con nước và động vật, không trung) và thành phần nhân tạo (kiến trúc công trình, giao thông, trang thiết bị hoàn thiện kỹ thuật, tranh tượng hoành tráng trang trí). Mỗi tương quan tỷ lệ về thành phần cùng quan hệ tương hỗ giữa hai thành phần này luôn biến đổi theo thời gian, điều này làm cho cảnh quan kiến trúc luôn vận động và phát triển.

2.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a. Tổ chức không gian KTCQ là một hoạt động định hướng của con người nhằm mục đích tạo dựng, tổ hợp và liên kết các không gian chức năng trên cơ sở tạo ra sự cân bằng và mối quan hệ tổng hòa của hai nhóm thành phần tự nhiên và nhân tạo của KTCQ.

b. Những nhân tố chính ảnh hưởng đến Tổ chức không gian KTCQ bao gồm:

- Các thành phần của KTCQ: với thành phần tự nhiên và thành phần nhân tạo.
- Các yêu cầu của không gian KTCQ: yêu cầu sử dụng, yêu cầu thẩm mỹ, yêu cầu bền vững, yêu cầu kinh tế.
- Quy luật tổ chức không gian:

+ Cơ sở bố cục cảnh quan: Giá trị thẩm mỹ của không gian KTCQ được con người cảm thụ thông qua các giác quan, trong đó cảm thụ bằng thị giác là chủ yếu. Về mặt thị giác, ba

yếu tố có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả cảm nhận và là cơ sở cho bố cục cảnh quan gồm có: điểm nhìn, tầm nhìn và góc nhìn. ⁽⁷⁾

+ Tạo hình không gian: Tất cả các không gian tự nhiên và không gian nhân tạo đều được tạo thành từ ba yếu tố cơ bản là: mặt nền, mặt trần và mặt đứng ngăn không gian. Tùy theo thành phần về ba yếu tố trên, không gian nói chung có thể chia thành ba loại chính sau: không gian đóng, không gian mở và không gian nửa đóng nửa mở. Tạo cho không gian một hình dáng phù hợp, quy mô, tính chất hợp lý với chức năng sử dụng và nhu cầu thẩm mỹ của con người là vấn đề quan trọng trong việc tổ chức không gian KTCQ.

+ Các quy luật bố cục cơ bản như: quy luật về đường trục bố cục, quy luật bố cục đối xứng, quy luật bố cục không đối xứng, quy luật tỷ lệ không gian, quy luật về sự đồng nhất và sự tương tự, quy luật về sự tương phản, quy luật sáng tối và quy luật về màu sắc. ⁽⁷⁾

2.3. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan vùng DLST

Trong du lịch, tổ chức không gian KTCQ có nhiệm vụ tổ chức, sắp xếp, liên kết và đề xuất các hình thái không gian KTCQ phù hợp với hoạt động du lịch. Việc tổ chức dựa trên cơ sở khai thác có hiệu quả các nguồn lực của địa phương, hướng đến sự phát triển đồng bộ giữa du lịch và các ngành kinh tế khác, bảo đảm các mục tiêu về kinh tế - văn hóa - xã hội và môi trường. Tổ chức không gian KTCQ vùng du lịch phụ thuộc vào các yếu tố như: khách du lịch, tài nguyên du lịch, điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, nhân lực và trình độ quản lý của ngành du lịch, mối quan hệ vùng (quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, không gian đô thị và ngành du lịch), cơ chế - chính sách, cơ sở và quy luật bố cục không gian kiến trúc.

DLST thường được hình thành và phát triển tại những khu vực có hệ sinh thái điển hình. Vì thế, tổ chức không gian KTCQ là công việc rất phức tạp bởi tính nhạy cảm về môi trường sinh thái, vấn đề bảo tồn và phát triển bền vững, ... của khu vực. Tổ chức không gian KTCQ vùng DLST bị chi phối bởi các nhân tố như (xem hình 2):

- Tài nguyên du lịch.
- Khách du lịch.
- Ngành du lịch.
- Điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội.
- Đặc điểm dân cư.
- Hạ tầng kỹ thuật.
- Cơ chế chính sách.
- Mối liên hệ vùng.
- Các quy luật tổ chức không gian KTCQ.
- Các nguyên tắc và yêu cầu cơ bản của hoạt động DLST.
- Nguyên tắc phân vùng hoạt động DLST.
- Sức chứa của điểm du lịch.



Hình 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức không gian KTCQ vùng DLST

3. MỘT SỐ CƠ SỞ KHOA HỌC CHO TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KTCQ VÙNG DLST TẠI KHU BTTN SƠN TRÀ

Tổ chức không gian KTCQ vùng DLST có nhiệm vụ là xác định các chỉ số về cấu trúc và hình thể của không gian (các yếu tố mang tính vật thể) làm cơ sở cho việc thực hiện các dự án phát triển. Đồng thời, công tác quy hoạch không gian cần phải nghiên cứu tổ chức không gian trong mối quan hệ tổng hợp, các nội dung kinh tế - văn hóa, các xu thế phát triển bên ngoài và cơ chế vận động bên trong (các yếu tố mang tính phi vật thể) của vùng DLST⁽⁵⁾. Chính các yếu tố mang tính phi vật thể là nhân tố tạo nên đặc trưng, nét bản sắc về không gian cho vùng DLST mà không gian KTCQ chỉ là hình thái thể hiện bên ngoài.

Như vậy, cần lồng ghép sự phát triển của nhiều ngành, sự tác động của nhiều yếu tố và mối liên quan giữa nhiều lĩnh vực vào công tác quy hoạch và tổ chức không gian KTCQ nhằm bảo đảm tính hợp lý về cấu trúc và hình thái không gian cũng như tính khả thi cho đề án quy hoạch.

Qua quá trình nghiên cứu, điều tra - khảo sát hiện trạng, phân tích - tổng hợp vấn đề, tác giả đề xuất một số cơ sở khoa học cho việc tổ chức không gian KTCQ vùng DLST tại Khu BTTN Sơn Trà như sau:

(1). Lịch sử hình thành và phát triển của thành phố Đà Nẵng nói chung, bán đảo Sơn Trà và Khu BTTN bán đảo Sơn Trà nói riêng.

(2). Thực trạng và xu thế phát triển du lịch nói chung và DLST nói riêng trên thế giới, tại Việt Nam, vùng du lịch Bắc Trung Bộ, thành phố Đà Nẵng và khu BTTN bán đảo Sơn Trà.

(3). Các đặc điểm thuận lợi của điều kiện tự nhiên - kinh tế - văn hóa - xã hội - môi trường, tài nguyên du lịch, vị trí địa lý và cơ sở hạ tầng ở khu BTTN Sơn Trà.

(4). Mục tiêu phát triển trên các mặt kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường - sinh thái và bảo vệ an ninh quốc phòng của Khu BTTN Sơn Trà.

(5). Tổ chức không gian KTCQ vùng DLST ở khu BTTN Sơn Trà được nghiên cứu trên hệ quan điểm sau:

- Quan điểm hệ thống.
- Quan điểm phát triển bền vững.
- Quan điểm dân tộc và hiện đại.
- Quan điểm phát triển đồng bộ.

(6). Tổ chức không gian KTCQ vùng DLST ở khu BTTN Sơn Trà phải hướng đến sự phù hợp và thống nhất với các định hướng QH phát triển du lịch, QH phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển không gian đô thị của quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, vùng du lịch Bắc Trung Bộ và Việt Nam.

(7). Các nguyên tắc cơ bản của hoạt động DLST phù hợp trong bối cảnh cụ thể của địa phương, bao gồm:

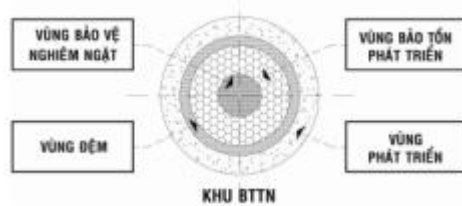
a. Các nguyên tắc cơ bản của hoạt động DLST:

- Có hoạt động giáo dục về môi trường và ý thức tham gia công tác bảo tồn.
- Bảo vệ môi trường, duy trì hệ sinh thái.
- Bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng.
- Thu hút sự tham gia, qua đó mang lại lợi ích cho cộng đồng.

b. Những yêu cầu cơ bản để phát triển DLST:

- Tồn tại các hệ sinh thái điển hình với tính đa dạng sinh học cao.
- Nguồn nhân lực đủ trình độ để điều hành và quản lý hoạt động DLST.
- Quy hoạch phát triển DLST phải tuân thủ các quy định về "sức chứa".
- Đáp ứng được nhu cầu nâng cao hiểu biết của khách DLST.⁽⁴⁾

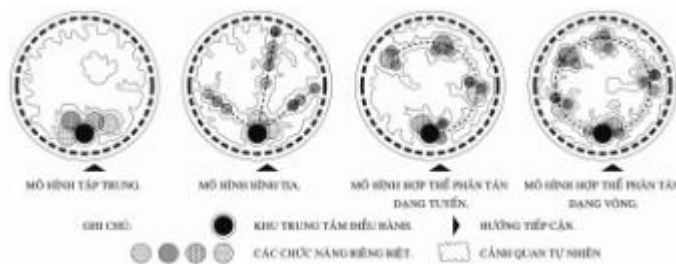
c. Nguyên tắc phân vùng hoạt động DLST: Phân vùng hoạt động DLST trong khu BTTN là một biện pháp quan trọng để quản lý và bảo vệ các nguồn tài nguyên và môi trường, tính đa dạng sinh học, đồng thời có ảnh hưởng lớn đến tổ chức không gian KTCQ tại đây. Phân vùng hoạt động DLST trong khu BTTN phải phù hợp với phân khu chức năng của khu BTTN, theo đó các khu BTTN được chia thành: vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng bảo tồn phát triển, vùng đệm và vùng phát triển. ⁽⁴⁾ (xem hình 3)



Hình 3: Nguyên tắc phân vùng hoạt động DLST ở Vườn quốc gia và khu BTTN

d. Yêu cầu về sức chứa của một điểm du lịch: Khái niệm sức chứa trong du lịch cần được xem xét đầy đủ trên những khía cạnh sau: hạ tầng, sinh thái, tâm lý, kinh tế, xã hội và quản lý.

(8). Nghiên cứu các dạng mô hình tổ chức không gian chức năng vùng DLST cơ bản, như: mô hình tập trung, mô hình hợp thể hình tia, mô hình hợp thể phân tán dạng tuyến và mô hình hợp thể phân tán dạng vòng. Từ đó đề xuất một mô hình phù hợp. (xem hình 4)



Hình 4: Các mô hình tổ chức không gian chức năng vùng DLST

(9). Một số nguyên tắc chính của tổ chức không gian KTCQ ở khu BTTN:

- Phải dựa trên hệ quan điểm và đạt được những mục tiêu đã đề ra.
- Dựa vào phân khu chức năng và phân vùng hoạt động DLST để đưa ra những giải pháp không gian phù hợp nhằm tạo ra mối quan hệ hài hòa giữa thành phần tự nhiên và nhân tạo, nét đặc trưng cho cảnh quan của điểm du lịch.

- Dựa vào các tuyến, điểm du lịch chính và các điều kiện về tự nhiên, hạ tầng, kinh tế - xã hội để lựa chọn mô hình tổ chức không gian chức năng phù hợp cho toàn khu và từng tuyến, điểm du lịch.

- Nét đặc trưng cơ bản của không gian KTCQ vùng DLST là tính vượt trội của thành phần tự nhiên so với thành phần nhân tạo. Vì thế nguyên tắc xử lý các yếu tố tự nhiên là hạn chế tối đa sự can thiệp vào môi trường tự nhiên.

- Khi thiết kế các công trình kiến trúc trong khu DLST, cần phải lấy cảm hứng từ thiên nhiên, và "cái hồn của công trình phải được sinh trưởng một cách tự nhiên từ đất và đậu nhẹ nhàng lên cảnh quan" ⁽²⁾. Hơn nữa, kiến trúc trong khu DLST cần phải đi xa hơn việc đáp ứng các yêu cầu về công năng đơn thuần để trở thành phần độc đáo của tự nhiên tại một địa điểm nhất định và được xem như là một công cụ giáo dục để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho khách du lịch, nhà nghiên cứu khoa học và dân cư địa phương.

Quan điểm này cũng chính là quan điểm của KTS bậc thầy, Frank Lloyd Wright, về kiến trúc hữu cơ. Theo ông, "*kiến trúc phải mô phỏng thiên nhiên, đề cao tính tự nhiên, tính nguyên thủy, tính trữ tình, tính địa phương và sự đa dạng hóa không ngừng*" và "*kiến trúc hữu cơ là sáng tạo kiến trúc dựa trên quan điểm hữu cơ của giới tự nhiên, là sự xét đến sự phụ thuộc của thành phần vào tổng thể và ngược lại*"⁽³⁾

Một số nguyên tắc thiết kế các công trình ở khu DLST:

. Giải pháp kiến trúc phải phù hợp với đặc điểm địa hình, khí hậu, tạo ra sự hài hòa giữa công trình kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên.

. Phải góp phần tạo ra một phong cách kiến trúc bản địa - đặc trưng cho bán đảo Sơn Trà - hiện đại và đậm đà bản sắc văn hóa của địa phương.

. Tùy theo điều kiện cụ thể để lựa chọn quy mô và bố cục công trình phù hợp, tạo ra tỷ lệ hài hòa giữa kiến trúc - con người - thiên nhiên.

. Vật liệu xây dựng: nên sử dụng các loại vật liệu địa phương hay phù hợp với đặc điểm tự nhiên của địa phương như: gỗ, sỏi đá, mái ngói, mái lá, tre, ...

. Màu sắc: Ở khu DLST nên sử dụng các màu của tự nhiên như: màu xanh của lá cây, màu nâu của đất và thân cây, màu xám của đá núi, ...

- Tổ chức hệ thống giao thông trong khu DLST phải dựa vào điều kiện cụ thể của địa phương, hạn chế những tác động đến môi trường sinh thái. Chú ý tạo ra các điểm nhìn, tầm nhìn và góc nhìn hợp lý cho việc thụ cảm không gian cảnh quan.

(10). Tìm hiểu và vận dụng các bài học kinh nghiệm về tổ chức không gian KTCQ vùng DLST, phát triển DLST ở trong và ngoài nước.

4. KẾT LUẬN

Như vậy, tổ chức không gian KTCQ vùng DLST ở khu BTTN Sơn Trà là một quá trình phức tạp, đòi hỏi phải nghiên cứu nhiều vấn đề liên quan mà cụ thể là 10 vấn đề như đã nêu ở trên. Đây là những cơ sở khoa học mang tính thực tiễn cho việc định hướng, tổ chức không gian KTCQ vùng DLST tại khu BTTN Sơn Trà.

Trong quá trình triển khai quy hoạch không gian và triển khai các dự án, cần tùy theo điều kiện thực tế, huy động sự tham gia và sự phối hợp hành động của các nhà chuyên môn trên các lĩnh vực, các cấp chính quyền, dân cư địa phương và khách du lịch để đưa ra các giải pháp quy hoạch và tổ chức không gian hợp lý và có tính khả thi cao, nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững cho bán đảo Sơn Trà nói riêng và thành phố Đà Nẵng nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Thị Phương Anh, *Điều tra khu hệ động - thực vật và nhân tố ảnh hưởng. Đề xuất phương án bảo tồn sử dụng hợp lý khu BTTN bán đảo Sơn Trà*, Báo cáo tổng kết đề tài, Sở khoa học công nghệ và môi trường Đà Nẵng, 1997.
- [2] Hiệp hội DLST – North Benning ton - Vermont, *Du lịch sinh thái - Hướng dẫn cho các nhà lập kế hoạch và quản lý*, Cục môi trường, Việt Nam, 1999.
- [3] Đặng Thái Hoàng, *Kiến trúc thế kỷ XX*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1998.
- [4] Phạm Trung Lương, Hoàng Hoa Quân, Nguyễn Ngọc Khánh, Nguyễn Văn Lan, Đỗ Quốc Thông, *Du lịch sinh thái - những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2002.
- [5] Phạm Trí Minh, "Một số ý kiến về đổi mới công tác quy hoạch đô thị", *Tạp chí Quy hoạch Xây dựng*, (Số 1), 2003.
- [6] Hàn Tất Ngạn, *Kiến trúc cảnh quan*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 1999.
- [7] John Ormsbee Simonds, *Landscape architecture*, Mac Graw - Hill Inc, United State of America, 1983.